

Bản án số: 679/2025/HNGĐ-ST
Ngày 10 - 6 - 2025
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Mai
2. Bà Châu Thị Lê .

Thư ký phiên tòa: Lê Quỳnh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1539/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024, về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 04 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 170/2025/QĐST- HNGĐ ngày 15/05/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị N; địa chỉ: Số 1312 đường L, khu phố H, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh T; địa chỉ: Số 1396/47C đường L, khu phố H, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nộp ngày 18 tháng 11 năm 2024 cùng các tài liệu chứng cứ nguyên đơn trình bày:

Bà Đặng Thị N và ông Nguyễn Thanh T tự nguyện chung sống năm 2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Minh K; sinh ngày 24/10/2013 và Nguyễn Đặng Kim N1; sinh ngày 11/6/2011. Cuộc sống chung tại nhà cha mẹ chồng thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, ông T nhiều lần xúc phạm, tác động vật lý đến bà N. Gia đình không thể hoà giải, kéo dài mâu thuẫn, không còn hạnh

phúc, ông T và bà N đã ly thân, độc lập về kinh tế, tình cảm vợ chồng không còn tôn trọng, yêu thương, giúp đỡ nhau. Bà Đặng Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Thanh T để bà N được an tâm với cuộc sống.

Về con chung: Bà N và ông T có 02 người con chung tên Nguyễn Minh K; sinh ngày 24/10/2013 và Nguyễn Đặng Kim N1; sinh ngày 11/6/2011, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông Trung cấp D cho con.

Tài sản chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyễn Thanh T vắng mặt nên Tòa án không thể lấy lời khai và tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G phát biểu ý kiến:

Về giải quyết và xét xử vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ các quy định tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn nộp đơn khởi kiện đơn phương ly hôn, bị đơn cư trú tại quận G. Căn cứ các Điều 28 và 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bà Đặng Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Thanh T hiện cư trú tại địa phương, Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét thấy, bà Đặng Thị N và ông Nguyễn Thanh T tự nguyện sống chung, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận kết hôn số 54/2010 quyền số 01, ngày 02/04/2010. Nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, bà N khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với ông T là có cơ sở được quy định tại Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét thấy hôn nhân giữa bà Đặng Thị N và ông Nguyễn Thanh T, hiện sống ly thân không còn nghĩa vụ thương yêu, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau trong gia đình, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Quá trình giải quyết vụ việc Tòa án đã tổng đạt thông báo phiên họp, kiểm tra chứng cứ, đối chất và hòa giải nhưng ông T vắng mặt, chứng tỏ ông T không còn tha thiết hoà giải, quan tâm đến gia đình. Nên Hội đồng xét thấy gia đình bà Đặng Thị N và ông Nguyễn Thanh T mâu thuẫn đã lâu, cuộc sống chung không thể hòa giải. Hiện cả hai đã ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Minh K; sinh ngày 24/10/2013 và Nguyễn Đặng Kim N1; sinh ngày 11/6/2011, xét thấy bà N đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung và nguyện vọng của 02 trẻ thống nhất ở với mẹ. Vì vậy bà Đặng Thị N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là có cơ sở chấp thuận.

Về cấp dưỡng cho con chung: Xét thấy bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con, nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

Về Tài sản chung: Hội đồng không xem xét giải quyết.

- Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- *Vì các lẽ trên,*

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81,82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T (Giấy chứng nhận tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk số 54/2010 quyển số 01, ngày 02/04/2010 hết hiệu lực pháp luật, kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật).

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Minh K; sinh ngày 24/10/2013 và Nguyễn Đặng Kim N1; sinh ngày 11/6/2011, giao cho bà Đặng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung.

- Về cấp dưỡng cho con: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Đặng Thị N phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0056836 ngày 03/12/2024, bà N đã nộp đủ án phí Hôn nhân sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- Viện kiểm sát Q.G;
- Chi cục THA Q.G;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- LưuVP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thùy Trang

Lê Thị Thùy Trang